

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TÙNG THIÊN VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
Năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	38	1.08 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	38	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn (Tin học (2), THPTN Lí (1), THPTN Hóa (1), THPTN Sinh (1), Phòng Tương tác (3))	8	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	8	-
7	Bình quân lớp/phòng học		1.29
8	Bình quân học sinh/lớp		47
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	4882	-
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2400	-
VI	Tổng diện tích các phòng	2700	-
1	Diện tích phòng học (m ²)	50	-
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	50	-
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	00	-
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	45	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		



1.1	Khối lớp 6	5	
1.2	Khối lớp 7	5	
1.3	Khối lớp 8	5	
1.4	Khối lớp 9	5	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	01	24 m ²
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	64	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	15	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	00	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	00	
5	Laptop	03	
6	Bảng tương tác	03	
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	00	
XI	Nhà ăn	00	
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	00	00 00
XIII	Khu nội trú	00	00 00
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho	Dùng cho học sinh
		giáo viên	
		Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8	00
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	

